

Số: 112/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vinh Long, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học chính quy đợt 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 22/8/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 3 năm 2018;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp Đại học đợt 3 năm 2018, họp ngày 15/10/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận **86** sinh viên tốt nghiệp ĐẠI HỌC hệ chính quy (có danh sách kèm theo), gồm các ngành:

TT	Ngành	Tổng số SV	Xếp loại tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	15	0	1	14	0
2	Công nghệ chế tạo máy	8	0	0	8	0
3	Công nghệ thực phẩm	2	0	1	1	0
4	Công nghệ thông tin	32	0	4	14	14
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	16	0	1	11	4
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	13	0	2	10	1
Tổng cộng		86	0	9	58	19

Điều 2. Các Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 2;
- Lưu: P.ĐT.



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC ĐỢT 3 NĂM 2018

(Kèm theo quyết định số : 112/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 22 tháng 10 năm 2018)

TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I. Lớp 1CTP14A - Ngành Công nghệ thực phẩm								
1	14005012	Trương Anh Duy	Nam	08/12/1996	Vĩnh Long	2.57	Khá	
2	14005067	Huỳnh Hữu Nghị	Nam	29/7/1996	Vĩnh Long	3.52	Giỏi	
II. Lớp 1DDT14A - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện điện tử								
3	14003001	Chiêm Hoàng An	Nam	09/12/1996	Kiên Giang	2.32	Trung bình	
4	14003003	Lê Hoàng Anh	Nam	16/7/1996	Vĩnh Long	2.61	Khá	
5	14003007	Trần Quốc Bảo	Nam	25/5/1996	Đồng Tháp	2.58	Khá	
6	14003014	Đỗ Hữu Phương Duy	Nam	24/01/1996	Tiền Giang	2.87	Khá	
7	14003030	Lê Nguyễn Khải Huy	Nam	20/4/1996	Vĩnh Long	2.90	Khá	
8	14003038	Huỳnh Võ Chí Kiên	Nam	17/12/1996	Vĩnh Long	2.70	Khá	
9	14003049	Nguyễn Nhựt Nam	Nam	01/8/1996	Vĩnh Long	2.70	Khá	
10	14003051	Lê Hải Ngân	Nam	25/02/1995	Bến Tre	3.34	Giỏi	
11	14003052	Trần Trung Nguyên	Nam	12/10/1996	Vĩnh Long	2.75	Khá	
12	14003068	Nguyễn Hoàng Quân	Nam	03/9/1995	Tiền Giang	2.17	Trung bình	
13	14003069	Thái Minh Quân	Nam	28/6/1996	Vĩnh Long	3.02	Khá	
14	14003072	Nguyễn Thái Quang	Nam	24/4/1996	Đồng Tháp	2.31	Trung bình	
15	14003073	Nguyễn Việt Quang	Nam	28/10/1996	Đồng Tháp	2.74	Khá	
16	14003079	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	10/11/1995	Tiền Giang	2.63	Khá	
17	14003087	Lê Nguyễn Hoàng Thái	Nam	26/6/1996	Vĩnh Long	2.33	Trung bình	
18	14003121	Nguyễn Thị Mộng Tiền	Nữ	03/9/1995	Vĩnh Long	2.57	Khá	
III. Lớp 1CTM14A - Ngành Công nghệ chế tạo máy								
19	14002004	Chung Nhị Bình	Nam	20/3/1996	Vĩnh Long	2.90	Khá	
20	14002012	Phạm Tuấn Huy	Nam	30/3/1996	Vĩnh Long	3.01	Khá	
21	14002018	Nguyễn Cao Minh	Nam	24/12/1994	Vĩnh Long	2.66	Khá	
22	14002021	Trương Minh Nhựt	Nam	25/4/1996	Kiên Giang	3.00	Khá	
23	14002023	Trần Lương Phú	Nam	17/9/1996	Vĩnh Long	3.07	Khá	
24	14002025	Trần Lương Quý	Nam	17/9/1996	Vĩnh Long	3.08	Khá	
25	14002028	Võ Toàn Thuận	Nam	08/01/1996	Vĩnh Long	2.62	Khá	
26	14002031	Nguyễn Nhật Trường	Nam	26/5/1996	Vĩnh Long	2.56	Khá	
IV. Lớp 1OTO14A - Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô								
27	14001022	Nguyễn Công Hậu	Nam	04/10/1996	Cà Mau	2.39	Trung bình	
28	14001030	Dương Bá Hoàn	Nam	12/01/1996	Kiên Giang	2.50	Khá	
29	14001036	Nguyễn Nhựt Khoa	Nam	30/12/1996	Vĩnh Long	2.81	Khá	
30	14001038	Đặng Minh Kiệt	Nam	13/3/1996	Tiền Giang	2.55	Khá	
31	14001046	Võ Minh Mẫn	Nam	10/11/1996	Cà Mau	2.77	Khá	



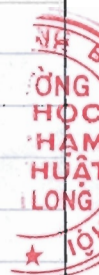
TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
32	14001054	Trần Thanh Nhã	Nam	07/12/1996	Đồng Tháp	2.59	Khá	
33	14001055	Nguyễn Đức Nhân	Nam	29/3/1996	TP.HCM	3.10	Khá	
34	14001064	Trần Hai Quang	Nam	01/7/1996	Vĩnh Long	3.27	Giỏi	
35	14001067	Trần Hoàng Quy	Nam	30/12/1996	Vĩnh Long	3.02	Khá	
36	14001068	Phạm Hoài Sang	Nam	01/4/1996	Vĩnh Long	2.70	Khá	
37	14001082	Bùi Thị Hoài Thảo	Nữ	01/8/1996	Bình Thuận	2.59	Khá	
38	14001090	Nguyễn Thành Tiến	Nam	01/5/1996	Vĩnh Long	2.83	Khá	
39	14001093	Huỳnh Như Toại	Nam	06/4/1996	Bình Định	3.21	Giỏi	

V. Lớp 1CCK14A - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

40	14008001	Lê Văn Bửu Bửu	Nam	07/11/1996	Vĩnh Long	3.10	Khá	
41	14008007	Bùi Trần Khánh Duy	Nam	01/7/1996	Kiên Giang	3.16	Khá	
42	14008008	Nguyễn Nhật Duy	Nam	14/9/1995	Đồng Tháp	2.86	Khá	
43	14008012	Trịnh Thành Đức	Nam	22/6/1996	Vĩnh Long	2.57	Khá	
44	14008013	Nguyễn Thanh Tuấn Em	Nam	17/9/1996	Vĩnh Long	3.02	Khá	
45	14008021	Phạm Chí Linh	Nam	13/10/1996	Trà Vinh	2.85	Khá	
46	14008022	Lê Tấn Lợi	Nam	17/12/1995	Sóc Trăng	2.89	Khá	
47	14008023	Trương Thanh Long	Nam	1996	Đồng Tháp	3.13	Khá	
48	14008025	Hà Công Minh	Nam	17/12/1996	Vĩnh Long	2.78	Khá	
49	14008034	Nguyễn Văn Nhật	Nam	29/10/1993	Kiên Giang	2.95	Khá	
50	14008041	Nguyễn Chí Thịnh	Nam	05/6/1996	Cà Mau	3.08	Khá	
51	14008047	Trần Nhật Tiến	Nam	13/11/1996	Cần Thơ	2.50	Khá	
52	14008050	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	24/6/1996	Vĩnh Long	3.11	Khá	
53	14008054	Trần Tuấn Vũ	Nam	30/4/1996	Vĩnh Long	2.98	Khá	
54	14008055	Nguyễn Ngọc Ân	Nam	09/02/1996	Vĩnh Long	3.49	Giỏi	

VI. Lớp 1CTT14A - Ngành Công nghệ thông tin

55	14004004	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	22/4/1996	Vĩnh Long	2.61	Khá	
56	14004006	Phan Thế Anh	Nam	11/8/1996	Vĩnh Long	3.26	Giỏi	
57	14004007	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	09/5/1996	Vĩnh Long	2.89	Khá	
58	14004012	Cao Thị Ngọc Diễm	Nữ	26/4/1995	Vĩnh Long	3.44	Giỏi	
59	14004021	Huỳnh Thị Mỹ Hương	Nữ	14/5/1996	Vĩnh Long	3.08	Khá	
60	14004022	Huỳnh Thị Thu Hương	Nữ	29/8/1996	Vĩnh Long	2.34	Trung bình	
61	14004024	Lưu Vinh Huy	Nam	23/11/1996	Vĩnh Long	2.79	Khá	
62	14004025	Trần Minh Huy	Nam	30/12/1996	Vĩnh Long	2.60	Khá	
63	14004038	Trần Thị Tuyết Linh	Nữ	15/11/1996	Đồng Tháp	2.47	Trung bình	
64	14004039	Trương Vệ Linh	Nam	20/11/1996	Cần Thơ	2.25	Trung bình	
65	14004042	Phạm Ngọc Long	Nam	01/4/1996	Tiền Giang	2.42	Trung bình	
66	14004043	Mai Thị Bích Ly	Nữ	16/6/1996	Vĩnh Long	3.21	Giỏi	
67	14004045	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	21/11/1996	Vĩnh Long	2.50	Khá	



TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTBCTích lũy	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
68	14004050	Võ Kim Ngân	Nữ	29/3/1995	Vĩnh Long	3.16	Khá	
69	14004052	Trần Phạm Minh Nghĩa	Nam	02/01/1996	Vĩnh Long	2.25	Trung bình	
70	14004057	Phạm Trọng Nhân	Nam	25/6/1996	Vĩnh Long	2.48	Trung bình	
71	14004062	Phạm Yến Nhi	Nữ	04/9/1996	Vĩnh Long	2.59	Khá	
72	14004063	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	20/11/1996	Vĩnh Long	2.90	Khá	
73	14004064	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	23/10/1995	Bến Tre	2.44	Trung bình	
74	14004069	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Nữ	01/01/1995	Cần Thơ	2.89	Khá	
75	14004073	Trần Minh Sang	Nam	22/02/1996	Bến Tre	3.42	Giỏi	
76	14004076	Nguyễn Đức Tài	Nam	11/01/1996	Vĩnh Long	2.46	Trung bình	
77	14004082	Lê Huyền Thanh	Nữ	11/01/1996	Vĩnh Long	2.52	Khá	
78	14004089	Liêu Nhựt Thông	Nam	08/10/1994	TP.HCM	2.76	Khá	
79	14004090	Phan Thị Minh Thư	Nữ	04/01/1996	Vĩnh Long	2.14	Trung bình	
80	14004091	Nguyễn Thanh Thùy	Nữ	23/12/1996	Vĩnh Long	2.44	Trung bình	
81	14004092	Lê Thị Cẩm Tiên	Nữ	02/12/1995	Vĩnh Long	2.82	Khá	
82	14004094	Võ Ngọc Thanh Tín	Nam	06/02/1996	Kiên Giang	2.29	Trung bình	
83	14004096	Nguyễn Tú Toàn	Nam	10/5/1996	Vĩnh Long	2.44	Trung bình	
84	14004100	Phan Minh Tú	Nam	23/11/1996	Tiền Giang	2.54	Khá	
85	14004103	Nguyễn Bá Tùng	Nam	03/11/1996	Gia Lai	2.33	Trung bình	
86	14004104	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	09/3/1996	Đồng Tháp	2.43	Trung bình	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

H VÀ X